



Số : 25/2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải, được lập ngày 11 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Phạm Đức Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.153.228.043	99.555.489.126
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.479.645.984	16.953.688.427
1.	Tiền	111		2.479.645.984	6.953.688.427
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.893.572.083	26.121.203.250
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	37.525.590.008	22.887.307.055
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	-	3.625.115.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	422.770.371	352.306.741
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.054.788.296)	(743.525.546)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	7.739.605.916	52.720.437.579
1.	Hàng tồn kho	141		8.007.914.494	52.988.746.157
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(268.308.578)	(268.308.578)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		40.404.060	3.760.159.870
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.760.159.870
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	40.404.060	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢISố 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.276.956.348	13.816.778.102
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		27.500.000	27.500.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	27.500.000	27.500.000
II.	Tài sản cố định	220		13.383.661.426	12.707.034.450
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.383.661.426	12.707.034.450
	- Nguyên giá	222		27.879.798.804	26.144.935.168
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.496.137.378)	(13.437.900.718)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		865.794.922	1.082.243.652
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	865.794.922	1.082.243.652
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.430.184.391	113.372.267.228

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		38.159.852.092	91.640.100.969
I.	Nợ ngắn hạn	310		38.159.852.092	91.640.100.969
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.558.262.651	44.981.528.992
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	345.590.000	33.496.420.629
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.952.139.856	579.808.606
4.	Phải trả người lao động	314		14.483.935.919	11.827.003.587
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	105.000.000	105.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	318.424.607	266.341.668
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		396.499.059	383.997.487
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.270.332.299	21.732.166.259
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	22.270.332.299	21.732.166.259
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.974.125.887	1.526.066.687
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.407.606.412	3.317.499.572
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.407.606.412	3.317.499.572
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.430.184.391	113.372.267.228

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Tường

Giám đốc



Lê Bá Tuấn Vũ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	234.517.992.413	131.252.519.737
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		234.517.992.413	131.252.519.737
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	214.047.985.767	111.887.842.293
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.470.006.646	19.364.677.444
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	107.940.981	307.414.951
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	39.033.611	16.059.178
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>39.033.611</i>	<i>16.059.178</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	16.278.168.415	15.786.470.521
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.260.745.601	3.869.562.696
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	13.182.455	12.153.739
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		13.182.455	12.153.739
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.273.928.056	3.881.716.435
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	866.321.644	564.216.863
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.407.606.412	3.317.499.572
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.018	1.345
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.018	1.345

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Lê Bá Tuấn Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		196.037.709.711	189.788.961.997
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(126.730.276.505)	(81.428.710.446)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(65.428.588.060)	(55.844.012.257)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(39.033.611)	(16.059.178)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(757.017.129)	(1.276.561.650)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	501.017.080
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.115.076.794)	(26.360.622.334)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.032.282.388)	25.364.013.212
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.734.863.636)	(1.157.078.182)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107.940.981	307.414.951
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.626.922.655)	(849.663.231)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		9.128.041.163	3.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.128.041.163)	(8.900.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.814.837.400)	(1.784.693.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.814.837.400)	(7.684.693.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.474.042.443)	16.829.656.981
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.953.688.427	124.031.446
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.479.645.984	16.953.688.427

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Ngô Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Tường

Giám đốc



Lê Bá Tuấn Vũ